

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2017/DSPT

Ngày 22 - 11 - 2017

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Lệ Kiều

Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mươi, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2017/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2017, về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2017/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2017/QĐPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc A, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: ấp V, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đồng bị đơn: Ông Dương Văn L, sinh năm: 1969;

Bà Lê Thị M, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp V, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp V, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1974;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu;

Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị M.

(Anh A, ông L, bà M, ông H1 có mặt;

Bà N vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Quốc A trình bày: Từ ngày 27/12/2015 đến khi phát sinh tranh chấp, anh A và vợ chồng ông Dương Văn L, bà Lê Thị M có giao dịch mua bán thức ăn heo, thức ăn tôm, vôi bột và thuốc thủy sản tổng cộng 03 đợt. Quá trình giao dịch có ghi vào sổ mua hàng và mỗi bên giữ 01 sổ để theo dõi và đối chiếu.

Đợt I: từ ngày 27/12/2015 đến ngày 08/6/2016. Tổng số tiền ông L, bà M nợ anh A là 33.710.000 đồng. Tính đến ngày 26/6/2016 ông L, bà M trả được 29.000.000 đồng, còn nợ lại 4.710.000 đồng.

Đợt II: từ ngày 05/7/2016 đến ngày 22/12/2016. Tổng số tiền ông L, bà M nợ anh A là 56.390.000 đồng bao gồm nợ còn lại của đợt I là 4.710.000 đồng. Ông L, bà M trả được 52.000.000 đồng, còn nợ lại 4.390.000 đồng.

Đợt III: từ ngày 10/02/2017 đến ngày 02/6/2017. Tổng số tiền ông L, bà M nợ anh A là 51.620.000 đồng bao gồm nợ còn lại của đợt II là 4.390.000 đồng. Trừ chiếc khẩu đầu bao 1.560.000 đồng, cộng với số tiền ông L, bà M trả anh A là 25.000.000 đồng thì đến nay ông L, bà M còn nợ anh A 25.060.000 đồng.

Ngoài ra, ông L, bà M còn mua hộ chị Nguyễn Thị N 09 bao thức ăn tôm bằng số tiền 9.150.000 đồng và còn nợ. Do đó, tại Đơn khởi kiện anh A yêu cầu ông L, bà M phải thanh toán cho anh số tiền tổng cộng là 34.210.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án chị N thừa nhận nợ 9.150.000 đồng và đã trả cho anh A 1.800.000 đồng và đối trừ số tiền 1.350.000 đồng anh A đã nợ chị N nên chị N còn nợ anh A 6.000.000 đồng. Do đó, anh A đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông L, bà M phải thanh toán số tiền 9.150.000 đồng, anh và chị N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh A chỉ yêu cầu ông L, bà M thanh toán số tiền 25.060.000 đồng.

- Theo đồng bị đơn ông Dương Văn L và bà Lê Thị M trình bày: Ông L, bà M thừa nhận có mua thức ăn heo, thức ăn tôm, vôi bột và thuốc thủy sản ở đại lý của anh A tổng cộng 03 đợt đúng như anh A trình bày. Ông L, bà M thống nhất lời khai của anh A về thời gian mua hàng hóa, các loại hàng hóa, cũng như tổng số nợ của từng đợt mua hàng.

Tuy nhiên, theo ông L, bà M thì đợt mua hàng lần I người bán hàng và nhận tiền thanh toán là ông Nguyễn Văn H1 là cha ruột của anh A. Đợt I ông bà đã trả 13.000.000 đồng không nhớ ngày gửi tiền nhưng ông H1 ghi vào sổ theo dõi là ngày 26/6/2016. Sau đó ông bà tiếp tục gửi cho anh A 16.000.000 đồng, không nhớ ngày tháng đưa tiền nhưng anh A ghi vào sổ theo dõi của ông bà là ngày 04/4/2016. Ngày thanh toán tiền mua hàng đợt I không nhớ ngày nào nhưng thanh toán tại nhà ông L, bà M, ông bà đưa tiền trực tiếp 16.000.000 đồng cho ông H1. Như vậy, trong đợt I ông L và bà M cho rằng đã đưa tổng cộng 45.000.000 đồng nhưng chỉ dùng 29.000.000 đồng, ông H1 còn nợ ông bà 16.000.000 đồng, ông bà còn nợ lại ông H1 4.710.000 đồng. Sau khi thanh toán tiền đợt I xong mới mua hàng đợt II.

Đợt II anh A trực tiếp bán hàng, cộng số nợ đợt I và đợt II là 56.390.000 đồng. Ngày 30/12/2016 ông bà gửi trả A 35.000.000 đồng, cộng với 16.000.000 đồng ông H1 nợ ông bà đợt I. Như vậy trong đợt II anh A nhận của ông bà 51.000.000 đồng. Khi thanh toán tiền tại nhà ông bà nhưng không nhớ ngày tháng cụ thể, ông bà có trả trực tiếp cho anh A 1.000.000 đồng. Như vậy đợt II trả tổng cộng 52.000.000 đồng, còn nợ anh A 4.390.000 đồng. Thanh toán xong đợt này mới mua hàng đợt kế tiếp.

Đợt III ông bà nợ anh A 51.620.000 đồng có bao gồm nợ đợt II là 4.390.000 đồng. Ông bà đã gửi trả 5.000.000 đồng vào ngày 29/12/2016 âm lịch nhưng anh A ghi vào sổ theo dõi là ngày 24/01/2017. Sau đó ông bà gửi trả tiếp 12.000.000 đồng, không nhớ ngày tháng cụ thể nhưng anh A ghi vào sổ theo dõi là ngày 04/4/2017. Đến ngày 16/6/2017 tiếp tục trả 25.000.000 đồng. Như vậy, trong đợt III ông bà trả cho anh A 42.000.000 đồng cộng với số tiền 1.560.000 đồng chiếc khẩu đầu bao nên tính đến nay ông bà chỉ còn nợ anh A 8.060.000 đồng.

Số tiền 09 bao thức ăn tôm 9.150.000 đồng là tiền của Nguyễn Thị N nợ anh A, nay anh A rút yêu cầu ông bà không có ý kiến gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 trình bày: Ông là cha ruột của anh A, anh A là người đứng tên chủ Đại lý bán thức ăn gia súc, thủy sản và vật tư nông nghiệp. Từ ngày 27/12/2015 đến nay ông không bán hàng và thanh toán tiền hàng hóa với vợ chồng ông L, bà M, ông cũng không nhận bất cứ khoản tiền nào của ông L, bà M.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị có nhờ ông L, bà M mua hộ 15 bao thức ăn tôm nhưng anh A chỉ mới giao 09 bao bằng số tiền 9.150.000 đồng và ghi vào sổ theo dõi mua hàng của ông L, bà M. Nay chị chỉ còn nợ số tiền 6.000.000 đồng và chị đồng ý thanh toán nợ cho anh A. Nay anh A rút yêu cầu đối với số tiền này thì chị đồng ý và không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Từ những nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2017/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc A kiện yêu cầu ông Dương Văn L, bà Lê Thị M thanh toán số tiền mua hàng hóa là 9.150.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc A kiện yêu cầu ông Dương Văn L và bà Lê Thị M thanh toán số tiền mua hàng hóa là 25.060.000 đồng.

Buộc ông Dương Văn L và bà Lê Thị M có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho anh Nguyễn Quốc A số tiền mua hàng hóa là 25.060.000 đồng.

3. Về án phí: Buộc ông Dương Văn L và bà Lê Thị M liên đới nộp 1.253.000 đồng. Anh A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 855.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005411 ngày 13/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án và áp dụng các Điều 2, 6, 7, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án; và tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, bị đơn bà Lê Thị M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xem xét bà đã trả 16.000.000 đồng cho ông H1 mà ông H1 phủ nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Lê Thị M giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2017/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Giữa anh A và ông L, bà M có giao dịch mua bán với nhau, anh A là bên bán, ông L, bà M là bên mua, các bên giao dịch hàng hóa là thức ăn heo, thức ăn tôm, vôi bột và thuốc thủy sản. Từ ngày 27/12/2015 đến khi phát sinh tranh chấp, anh A và vợ chồng ông L, bà M đã thực hiện giao dịch tổng cộng 03 đợt, khi lấy hàng hóa và thanh toán tiền sẽ được ghi vào sổ mua hàng và mỗi bên giữ 01 sổ để theo dõi và đối chiếu. Các bên đương sự thống nhất thừa nhận có sự việc mua bán, thống nhất về thời gian mua hàng hóa, các loại hàng hóa, phương thức thanh toán, cũng như tổng số nợ của từng đợt mua hàng.

[3] Tuy nhiên, bà M cho rằng trong đợt mua hàng lần I vợ chồng bà giao dịch mua bán trực tiếp với ông Nguyễn Văn H1 là cha ruột của anh A, đã đưa số tiền 16.000.000 đồng cho ông H1 nhưng không dùng số tiền này để thanh toán nợ mà đến đợt II mới dùng 16.000.000 đồng này và có đưa cho anh A 1.000.000 đồng để trả nợ nhưng 02 khoản tiền (16.000.000 đồng và 1.000.000 đồng) anh A không ghi vào sổ theo dõi. Do đó, ông L, bà M xác định tiền nợ đợt III chỉ còn 8.060.000 đồng, không đồng ý trả số tiền lên đến 25.060.000 đồng như yêu cầu của anh A.

[4] Xét thấy, theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, ông L, bà M đã thừa nhận tổng số nợ của từng đợt mua hàng nên đối chiếu với quy định pháp luật, anh A không có nghĩa vụ chứng minh số tiền ông L, bà M đã thanh toán, nghĩa vụ chứng minh thuộc về ông L, bà M.

[5] Ông Nguyễn Văn H1 khẳng định mọi giao dịch mua bán đều do anh A trực tiếp giao dịch với ông L, bà M, ông không giao dịch và cũng không nhận bất cứ khoản tiền nào của ông L, bà M.

[6] Ông L, bà M thừa nhận việc giao tiền ngoài sổ theo dõi thì ông bà không có văn bản, chứng từ gì khác, ông bà cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã giao 16.000.000 đồng cho ông H1, và 1.000.000 đồng cho ông A như ý kiến đã trình bày. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà M.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự bà Lê Thị M phải chịu án phí phúc thẩm.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị M; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 24/2017/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 228; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357; 430; 431; 440 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị M. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2017/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc A kiện yêu cầu ông Dương Văn L, bà Lê Thị M thanh toán số tiền mua hàng hóa là 9.150.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc A kiện yêu cầu ông Dương Văn L và bà Lê Thị M thanh toán số tiền mua hàng hóa là 25.060.000 đồng.

Buộc ông Dương Văn L và bà Lê Thị M cùng có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Quốc A số tiền mua hàng hóa là 25.060.000 đồng.

3. Về án phí: Buộc ông Dương Văn L và bà Lê Thị M phải nộp án phí sơ thẩm tổng số tiền là 1.253.000 đồng. Anh A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 855.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005411 ngày 13/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị M phải chịu. Bà M đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005456 ngày 25/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu chuyển thu án phí.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01b);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (01b);
- TAND huyện H (01b);
- CCTHADS huyện H (01b);
- Các đương sự (05b);
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án (01b).

(Đã ký)

Châu Minh Nguyệt